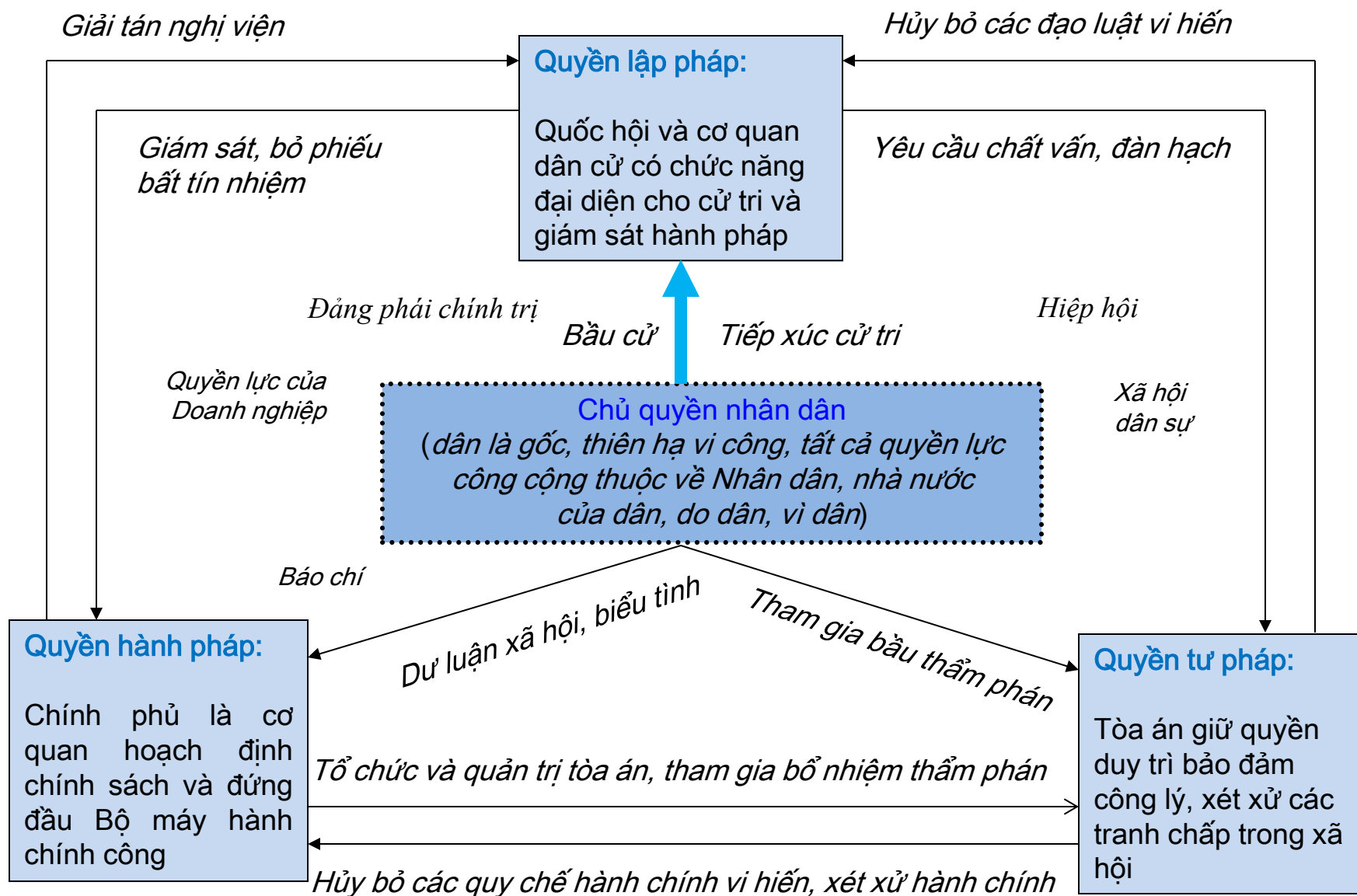
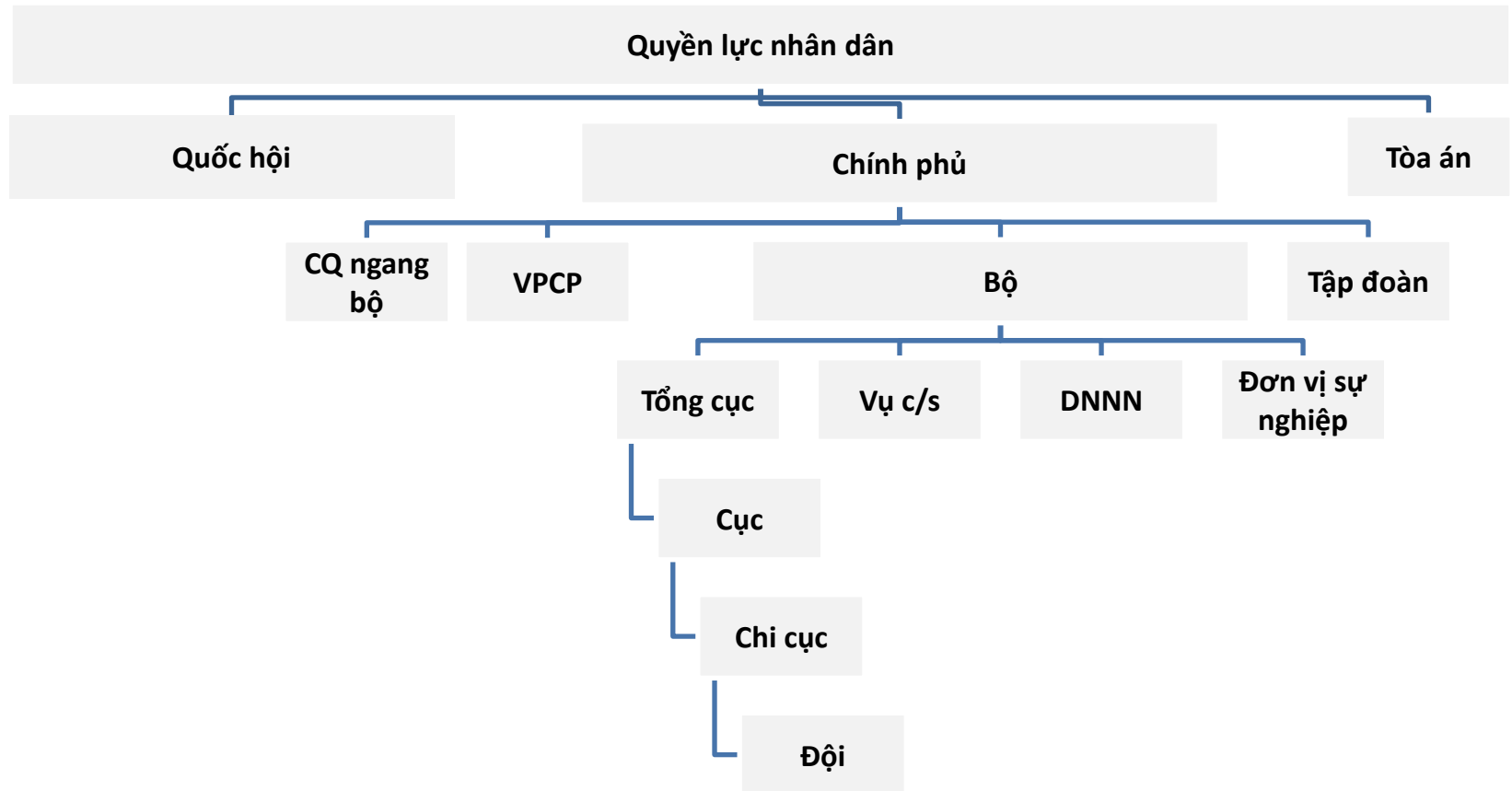


Quản lý các nguồn tài nguyên

*G8: Sự tham gia của người dân
trong quy trình ngân sách*



Các nguồn lực của Chính phủ



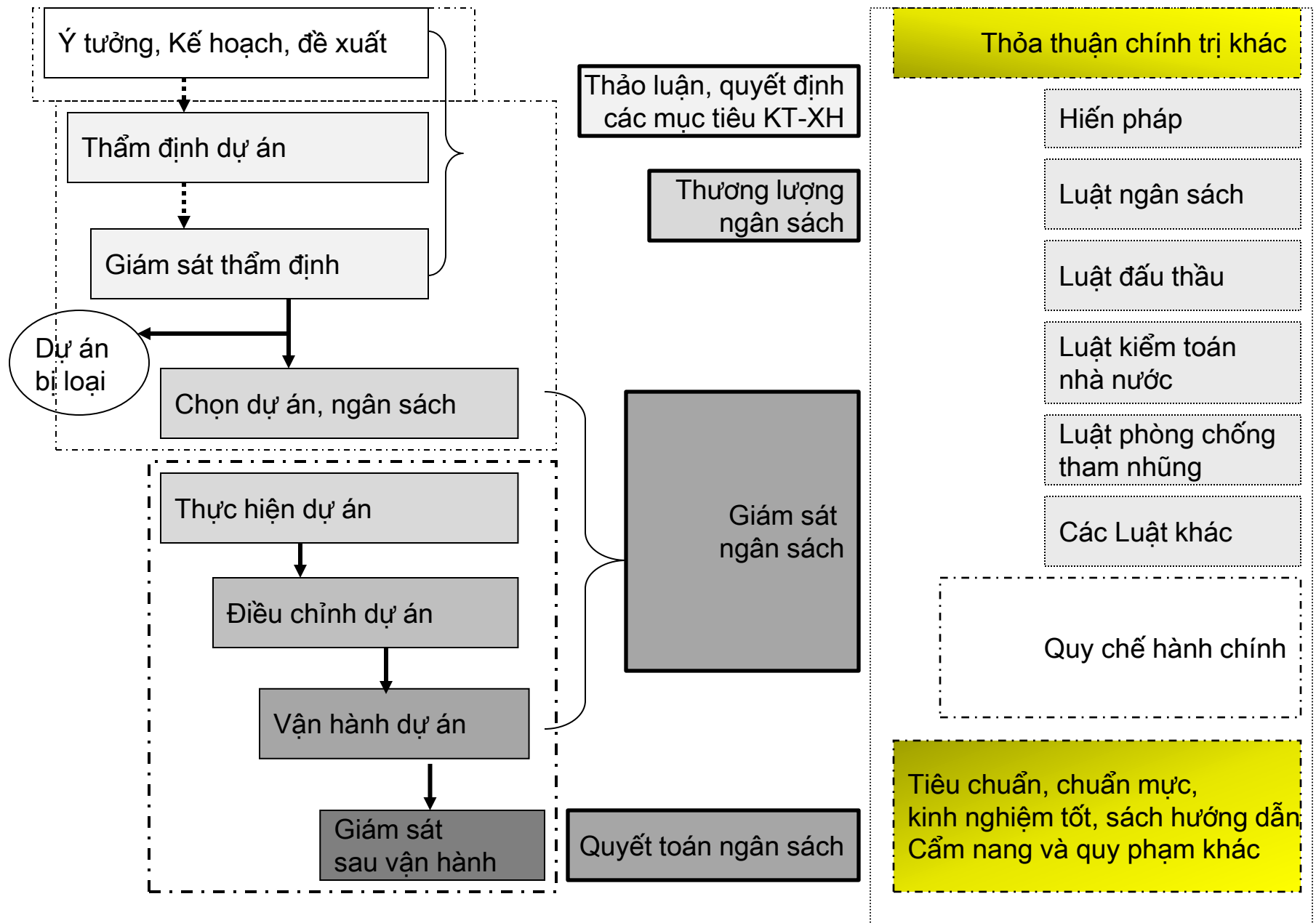
Xu hướng phân tách chính sách & điều hành

- Tình huống minh họa: Bộ GTVT

- Khối cơ quan Bộ (VP + 12 Vụ)
- Cục quản lý ngành (1 TC => 10 Vụ) + 07 Cục
- 81 DNNN (30 TCT 90) + DN liên kết
- 6 PMU do Bộ quản lý
- 10 Đơn vị sự nghiệp (02 trường đại học, học viện, 03 cao đẳng, trường cán bộ, 02 Viện nghiên cứu, 1 NXB, 1 Tạp chí, 01 báo)

- Bộ phận hoạch định chính sách
- Bộ phận cung cấp dịch vụ:
 - Cục => Tổng Cục (có con dấu, tài khoản, bộ máy chi cục ở địa phương)
 - DNNN
 - Hợp đồng hành chính => giao việc cho khu vực tư nhân đảm nhiệm => PPP
 - Giao cho khu vực tư nhân

Thảo luận: Quy trình quản lý dự án đầu tư công



Thảo luận: Quản lý chi tiêu của Chính phủ

Các định hướng cải thiện chu trình ngân sách nhằm đảm bảo công bằng xã hội và thắt chặt kỷ luật trong chi tiêu công cộng.

[Minh bạch ngân sách](#)

Xu thế công khai hóa quy trình ngân sách

- **Tính toàn diện và minh bạch của ngân sách**
 - Kiểm tra những khoản thu chi ngoài Ngân sách do QH phê duyệt dự toán, quyết toán?
 - Trái phiếu, khoản vay của CP, cam kết bảo lãnh của CP?
 - Các chương trình, dự án phát triển KT-XH trọng điểm quốc gia?
- **Phân bổ nguồn lực: công bằng**
 - Các mục tiêu dễ hiểu, ảnh hưởng đối với các tầng lớp dân cư dễ nhận ra
 - Quy trình ngân sách có sự tham gia rộng rãi hơn của công chúng
 - Giám sát của cơ quan dân cử, Kiểm toán Nhà nước hiệu quả hơn
 - Thảo luận về xác lập ưu tiên chính sách
 - Mục tiêu trung hạn, dựa theo kết quả => phân bổ hàng năm
- **Kỷ luật tài chính**
 - Kỷ luật thực thi
 - Bội chi, chuyển đổi khoản chi
 - Vai trò của kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập và kiểm toán nhà nước

Quy trình ngân sách & kế hoạch KT-XH

- **Bộ Tài chính**

- 30/04 TTg ra Chỉ thị
- 10/6 BTC ra TT hướng dẫn
- 25/07 Các tỉnh gửi dự toán
- Tháng 8: Tổng hợp dự toán, dự kiến kế hoạch phân bổ
- Tháng 9: CP xem xét trình QH
- Trước 15/11: QH phê chuẩn dự toán NSNN
- 10/12: HĐND quyết định dự toán NS địa phương

- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

- Tháng 6: Bộ KH&-ĐT xây dựng khung định hướng kế hoạch
- Cuối tháng 7: Các ngành/tỉnh gửi báo cáo xây dựng kế hoạch
- Tháng 8: Bộ KH&ĐT tổng hợp kế hoạch phát triển toàn quốc
- Tháng 9: CP thảo luận
- Tháng 10-11 QH thảo luận QĐ kế hoạch phát triển KT-XH của đất nước (qua nghị quyết với 20-25 chỉ tiêu hàng năm)

Thảo luận: Sự tham gia của người dân vào QT ngân sách

- QH có nên QĐ các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH?
- QH tham gia vào quy trình ngân sách như thế nào?
- Tăng minh bạch, cần thay đổi quan niệm về các khoản “ngoài ngân sách” như thế nào?
 - Kiểm soát nợ công như thế nào? (nợ nước ngoài)
 - Kiểm soát bảo lãnh nợ của CP?

Thảo luận: Phân chia ngân sách TW-ĐP

- Các điều kiện để phân cấp tài chính, tr. 282, 316
- Rủi ro của phân cấp tài chính
- Chia sẻ quyền thu thuế, ấn định thuế suất cho địa phương
- Các loại thuế và cách phân bổ giữa TW/ĐP tr. 296
 - VAT
 - TNDN
 - TNCN
 - Môn bài, tiêu thụ
 - Thuế phương tiện giao thông
 - Thuế đất, tài sản
- Những khoản thu phi thuế (phí và lệ phí)
- Các mất cân đối
 - Dọc (TW-ĐP)
 - Ngang (ĐP-ĐP)

Tính minh bạch của ngân sách Việt Nam

- “*Không thấy ở đâu xài tiền ngân sách lãng phí và tùy tiện như nước mình*”

ĐBQH Trần Du Lịch



19

OPEN BUDGET INDEX SCORE
— OUT OF 100 —

81-100 Extensive

61-80 Substantial

41-60 Some

21-40 Minimal

0-20 Scant or None

VIETNAM

Provides scant information to the public in its budget documents during the year.



How does Vietnam compare to its neighbors in Southeast Asia?

Cambodia 15

Indonesia 62

Malaysia 39

Myanmar 0

Philippines 48

Thailand 36

Timor-Leste 36

Vietnam 19



Cập nhật: [Open Budget Survey \(2015\)](#)

Mức độ công khai dự thảo ngân sách?

- Dự thảo ngân sách trước khi được phê duyệt được đóng dấu mật?
- Một khi ngân sách đã được phê duyệt thì khó có thể thay đổi các ưu tiên ngân sách trong năm.

Công khai nợ công?



- Số lượng?
- Tốc độ tăng?
- Hiệu quả?

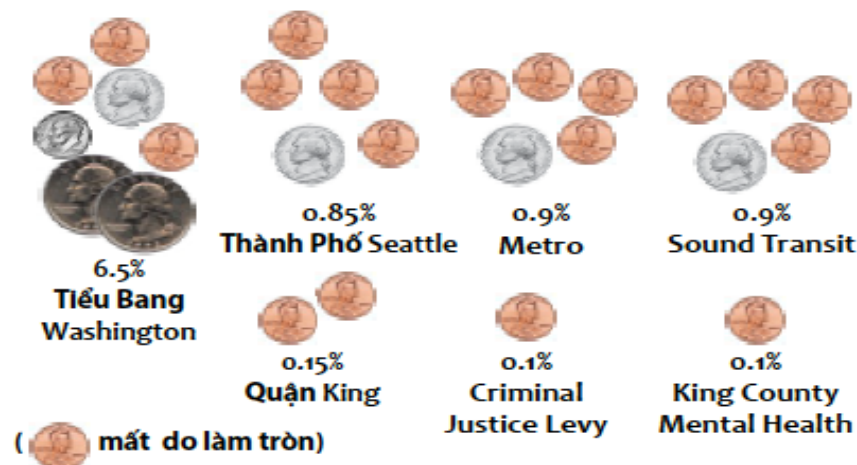
Làm cho công chúng dễ hiểu (ví dụ: Seattle)

VAI TRÒ CỦA QUÝ VỊ TRONG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ SEATTLE

QUÝ VỊ TÀI TRỢ CHO CHÍNH QUYỀN TIỂU BANG VÀ ĐỊA PHƯƠNG NHƯ THẾ NÀO:

1. Thuế doanh thu bán lẻ (9.5%)

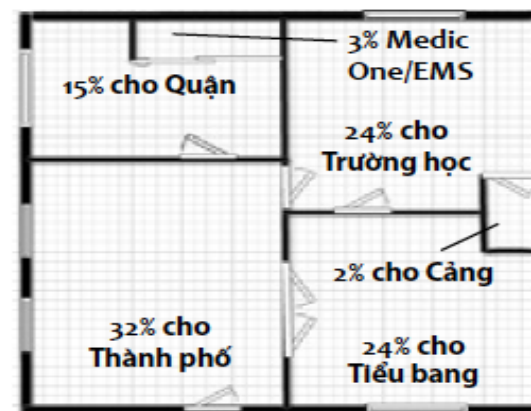
Mỗi đồng đô la thuế doanh thu được phân bổ cho chín cơ quan:



2. Thuế bất động sản

Các mức thuế từ \$10.16 trên mỗi \$1,000

giá trị định giá theo tỷ lệ phân chia dưới đây:



3. Các khoản thuế Kinh Doanh và Nghề Nghiệp (B&O)

Tiểu Bang và Thành Phố nhận được một mức phần trăm trong tổng doanh thu từ các cơ sở thương mại.

4. Hóa Đơn Điện Nước



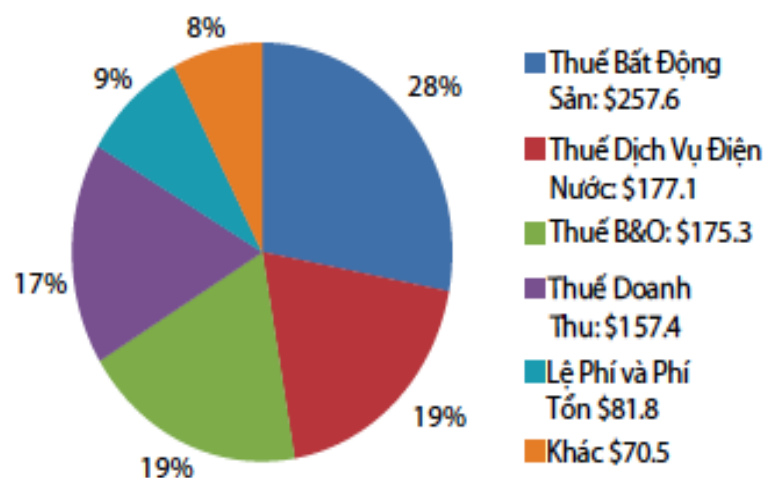
5. Các Khoản Chi Trả Khác

Thuế nhập thân, thuế đậu xe tại các bãi đậu xe thương mại và lệ phí giấy phép, v.v...

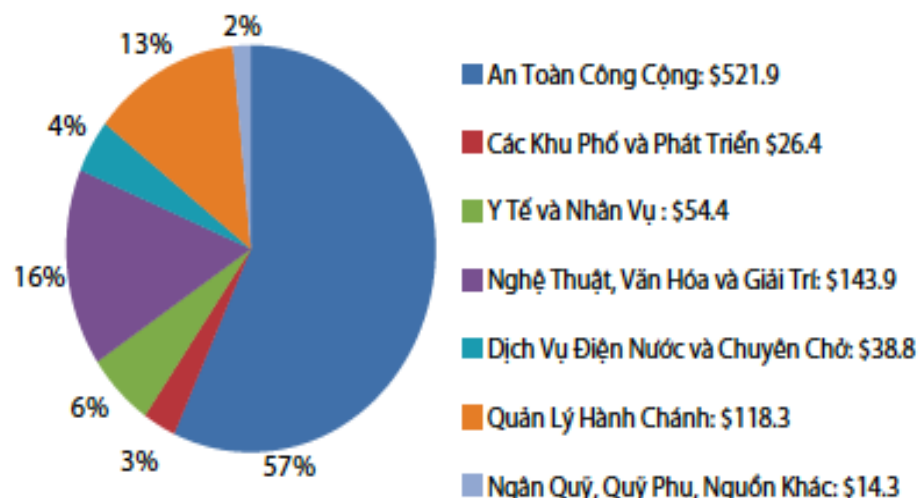
THÀNH PHỐ SỬ DỤNG TIỀN CỦA QUÝ VỊ NHƯ THẾ NÀO:

Phần lớn doanh thu thuế tổng quát của Thành Phố và các nguồn thu tùy ý khác được nhóm lại thành một **tổng quỹ** trung ương trị giá \$918 triệu. Các lãnh vực nhân sự và giao thông vận tải nhận được nhiều nguồn trợ giúp bên ngoài tổng quỹ từ các nguồn của Tiểu Bang và Liên Bang cũng như các khoản thuế bất động sản đã được các cử chỉ phê chuẩn.

Doanh Thu Tổng Quỹ 2012 theo Nguồn
(tính bằng triệu đô la)



Các Khoản Chi Tiêu Tổng Quỹ 2012 theo Khu Vực
(tính bằng triệu đô la)



Lưu ý về dịch vụ điện nước công cộng

Seattle City Light và Seattle Public Utilities chiếm khoảng một nửa trong tổng số \$3.9 tỷ ngân sách của Thành Phố. Vì doanh thu của hai cơ quan này là từ nguồn thu lệ phí của khách hàng, nên chúng thường được xem xét tách riêng với những phần còn lại của ngân sách Thành Phố.

Các vấn đề  **thành phố của chúng ta, ưu tiên của quý vị, tương lai của chúng ta**
Ngân Sách năm 2013 của Thành Phố Seattle

QUI TRÌNH LẬP NGÂN SÁCH SEATTLE

KHUNG THỜI GIAN LẬP NGÂN SÁCH SEATTLE

Hãy trở thành chuyên gia tư vấn về ngân sách và biết khi nào có thể nói chuyện với một ban ngành, Thị Trưởng hoặc Hội Đồng Thành Phố.

THÁNG HAI - THÁNG BA

Văn Phòng Ngân Sách và Các Ban Ngành bắt đầu thiết lập ngân sách ngưỡng

THÁNG TƯ - THÁNG NĂM

Văn Phòng Ngân Sách và Cơ Quan Quản Lý Hành Chánh và Tài Chánh (Finance & Administrative Services - FAS) thiết lập các dự báo và hướng dẫn ban đầu về ngân sách

THÁNG NĂM

Các ban ngành thiết lập và nộp các đề án ngân sách sơ bộ cho Văn Phòng Ngân Sách và Thị Trưởng

Hội đồng Thành Phố tham gia các cuộc đàm thoại về ngân sách với cộng đồng

THÁNG SÁU

Văn Phòng Ngân Sách và Thị Trưởng xem xét các gợi ý của Ban Ngành, đưa ra ý kiến phản hồi

THÁNG SÁU - THÁNG BẢY

Các ban ngành hoàn thiện và nộp yêu cầu ngân sách cho Văn Phòng Ngân Sách và Thị Trưởng

THÁNG BẢY - THÁNG CHÍN

FAS hiệu chỉnh dự báo doanh thu; Văn Phòng Ngân Sách và Thị Trưởng xem xét và cân đối đề án ngân sách; đề án ngân sách được hoàn thiện và gửi đi

THÁNG CHÍN - THÁNG MƯỜI MỘT

Hội đồng duyệt xét đề án ngân sách, tổ chức các buổi điều trần công cộng, thay đổi ngân sách và phê chuẩn ngân sách cuối cùng cũng như kế hoạch cải tiến quan trọng

Lập ngân sách Thành Phố là một công việc khó khăn, là công việc đòi hỏi rất nhiều thời gian công sức, sắp xếp thận trọng các vấn đề ưu tiên và ý kiến đóng góp quan trọng của công dân. **Xin cảm ơn quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trong tiến trình này.**

Qui trình lập ngân sách của Thành Phố dựa trên ba đặc điểm chính:

1. **Dự báo doanh thu** cho năm tới xác định mức ngân quỹ có sẵn
2. **Ngân sách hoạt động** của Thành Phố phân bổ ngân quỹ cho tất cả các ban ngành của Thành Phố, kể cả sở điện nước. Trong năm 2012, tổng ngân sách hoạt động là \$3.8 tỷ.
3. **Chương Trình Cải Tiến Quan Trọng** dự báo mức chi dùng cho các dự án quan trọng trong sáu năm tới.

Tới website www.seattle.gov/council/budget để biết thêm thông tin và cơ hội tham gia.

Tham gia cuộc thăm dò ý kiến về ngân sách của chúng tôi để chia sẻ các mối quan tâm của quý vị đối với Seattle và quan điểm của quý vị về các dịch vụ của thành phố:

www.surveymonkey.com/s/CityCouncilBudgetSurvey

Cảm ơn quý vị!

Có thắc mắc? Liên lạc với Ủy Viên Hội Đồng Tim Burgess, Chủ Tịch Ủy Ban Ngân Sách, tại số 206-684-8806 hoặc tim.burgess@seattle.gov.

Có phương tiện trợ giúp đặc biệt và hợp lý khi có yêu cầu, các tài liệu chuyển ngữ cũng như vậy.

Làm cho công chúng dễ hiểu: Việt Nam?

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục số 09/CKTC-NSNN

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số 3016/QĐ-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2014)

Đơn vị: triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (1)	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT THANH NHẬP ĐƯỢC HƯỞNG (100%) (4)	TỔNG CHI CÁN ĐỐC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (2) (5)	SỐ BỔ SUNG CÁN ĐỐC TỔNG CHI NSNN (6)	SỐ BỔ SUNG THỰC TIỄN LƯƠNG TỐI THIỂU 300.000 Đ. 1.050.000 Đ/THÁNG VÀ 1.130.000 Đ/THÁNG (7) (8)	BỔ SUNG CÒ MỤC TIÊU TỰ NS/TP CHI NS/TP			
							TỔNG SỐ	HỒ SÚNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH, QUẢN TRỊ (VỐN Đ. TỰ)	HỒ SÚNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH SÁCH VÀ MỘT SỐ NGHIÊM VỤ THEO QUY ĐỊNH	HỒ SÚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	817.200.000		435.799.998	96.491.908	51.697.021	63.295.627	31.651.500	20.218.022	11.526.105
I	MIỀN BẮC	25.592.500		70.137.014	34.049.246	16.216.241	17.864.100	7.577.600	5.681.230	4.605.270
1	HÀ GIANG	1.175.000	100	6.063.405	3.538.100	1.656.915	1.764.694	707.500	460.052	597.142
2	TUYÊN QUANG	960.000	100	3.749.000	1.888.791	915.430	1.011.378	494.900	370.000	146.478
3	CAO BANG	779.000	100	4.246.297	2.496.683	1.094.214	1.243.486	445.100	332.357	466.029
4	LANG SON	3.200.000	100	4.761.635	2.541.842	1.556.403	961.190	446.300	329.537	185.353
5	LAO CAI	3.500.000	100	5.295.547	2.160.554	1.000.153	1.386.462	671.900	329.524	385.038
6	YEN BAI	1.065.000	100	4.395.811	2.235.307	1.196.004	1.160.484	445.200	393.686	321.598
7	THAI NGUYEN	3.950.000	100	5.762.432	1.633.448	960.178	834.593	400.000	245.663	188.930
8	BAC CAN	433.000	100	2.523.284	1.492.057	648.627	759.452	299.000	213.901	246.351
9	PHU THO	2.926.000	100	6.389.294	2.514.823	1.181.121	1.479.862	749.700	481.421	248.741
10	BAC GIANG	2.828.500	100	6.695.932	3.193.015	1.477.706	1.148.076	430.600	488.475	229.001
11	HOA BINH	1.702.000	100	5.246.079	2.105.106	1.449.177	1.100.054	458.800	424.224	217.030
12	BON LA	1.975.500	100	6.728.805	3.258.698	1.532.022	1.628.144	545.000	558.835	524.309
13	LAI CHAU	512.500	100	3.874.810	2.380.376	1.018.135	1.706.635	805.000	434.020	467.535
14	BIEN HOA	586.000	100	4.404.704	2.612.446	1.229.258	1.679.592	678.520	619.537	381.535
II	ĐÔNG BẮC BỜ ĐÔNG	252.966.000	953	111.691.619	9.138.607	5.268.942	8.618.432	4.899.000	2.856.651	862.781
15	HA NOI	126.214.000	42	45.742.070		746.808		682.000	10.230	54.578
16	HAI PHONG	44.146.000	88	8.847.284		890.752	1.173.053	870.500	231.972	70.581
17	QUANG NINH	31.450.000	70	10.120.550			789.922	533.000	171.331	85.591
18	HAI DUONG	6.572.000	100	6.662.266	436.125	1.036.571	746.753	186.000	479.443	81.310
19	HUNG YEN	6.342.000	100	4.889.933	450.333		507.194	252.500	194.776	59.918
20	VINH PHUC	17.498.000	60	8.887.590			363.833	213.000	100.879	49.954
21	BAC NINH	10.718.000	93	6.288.398			486.679	316.000	120.184	50.495
22	HA NAM	2.731.000	100	3.424.200	1.038.529	316.621	721.422	403.000	239.751	78.671
23	NAM DINH	2.100.000	100	6.367.265	3.249.502	1.232.083	1.192.397	587.000	478.939	126.458
24	NINH BINH	2.355.000	100	4.212.798	1.210.171	888.227	713.130	263.000	357.321	92.809
25	THAI BINH	2.840.000	100	6.249.265	2.753.948	904.687	1.177.242	593.000	471.826	112.416
III	BẮC TÂY VÀ DI MIỀN TRUNG	89.116.700		92.280.959	26.072.227	14.706.116	18.764.173	9.646.900	5.699.873	3.417.400
26	THANG YEN	5.598.000	100	15.401.761	6.503.416	3.768.305	2.971.854	1.211.300	1.088.821	671.733
27	NEKE AN	6.420.000	100	12.909.801	5.138.837	2.362.188	2.488.748	1.004.800	946.627	537.321
28	HA TINH	4.920.000	100	7.864.314	3.050.815	965.309	2.058.892	1.225.000	564.985	268.907
29	QUANG BINH	1.705.000	100	4.388.919	1.900.788	1.169.531	1.249.970	613.000	413.125	223.845
30	QUANG TRI	1.513.000	100	3.354.215	1.598.430	855.861	1.298.437	801.500	329.588	167.349
31	THUA THIEN - HU	4.120.000	100	5.189.581	863.783	777.998	1.074.680	658.400	291.562	124.318
32	BA NANG	10.730.000	85	7.458.088			614.589	496.700	82.538	35.351
33	QUANG NAM	6.370.000	100	7.980.507	2.270.405	950.102	1.919.549	1.004.500	579.444	335.605
34	QUANG NGAI	22.880.000	61	5.774.089		1.095.540	1.468.471	733.600	325.971	408.900